



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: **1592/QĐ - VPCNCLQG**
ngày **13** tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Xét nghiệm - Bệnh viện Đa khoa MEDLATEC**

Medical Laboratory: **Laboratory Department - Medlatec General Hospital**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Medlatec Việt Nam**

Organization: **Medlatec Viet Nam Company Limited**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh**

Field of medical testing: **Biochemistry, Hematology, Microbiology**

Người phụ trách/ **Ths. BS Nguyễn Huy Vinh**

Representative:

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 043**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày **13** /6/2025 đến ngày 24/6/2030

Địa chỉ/ Address: **Số 42-44 Nghĩa Dũng, P. Phúc Xá, Q. Ba Đình, TP Hà Nội/ No. 42-44 Nghia Dung, Phuc Xa Ward, Ba Dinh District, Hanoi City**

Địa điểm/Location: **Tầng 5, Số 42-44 Nghĩa Dũng, P. Phúc Xá, Q. Ba Đình, TP Hà Nội/ 5th Floor, No. 42-44 Nghia Dung, Phuc Xa Ward, Ba Dinh District, Hanoi City**

Điện thoại/ Tel: **0437162066**

Email: **khoaxetnghiemmedbadinh@gmail.com**

Website: **www.medlatec.vn**

[Handwritten signature]

HOA HỌ
VĂN
CỘNG
CHẤT
QUỐC
DÂN DO

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 043

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh
Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Huyết thanh, Huyết tương Serum, Plasma (Lithium heparin)	Định lượng AST <i>Determination of Aspartat Aminotransferase (AST)</i>	Động học enzym <i>Enzym kinetics</i>	MBD.QTXN.HSMD.207 (2025) (Alinity C)
2.		Định lượng ALT <i>Determination of Aminotransferase (ALT)</i>		MBD.QTXN.HSMD.208 (2025) (Alinity C)
3.		Định lượng Urê <i>Determination of Urea</i>		MBD.QTXN.HSMD.210 (2025) (Alinity C)
4.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinine</i>	Động học enzym 2 điểm <i>Enzym kinetics colorimetric two points</i>	MBD.QTXN.HSMD.209 (2025) (Alinity C)
5.		Định lượng Cholesterol toàn phần <i>Determination of Cholesterol total</i>	Đo màu Enzym <i>Enzymetic colour</i>	MBD.QTXN.HSMD.203 (2025) (Cobas C502)
6.		Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Động học enzym <i>Enzym kinetic,</i>	MBD.QTXN.HSMD.200 (2025) (Cobas C502)
7.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>	Đo màu Enzym <i>Enzymetic colour</i>	MBD.QTXN.HSMD.201 (2025) (Cobas C502)
8.		Xác định lượng CEA <i>Determination of Carcino Embryonic antigen</i>	Nguyên lý Sandwich <i>Sandwich principle</i>	MBD.QTXN.HSMD.205 (2025) (Alinity I)
9.		Định lượng Beta HCG <i>Determination of β- subunit intact human chorionic gonadotropin</i>		MBD.QTXN.HSMD.206 (2025) (Alinity I)
10.		Định lượng Acid Uric <i>Determination of Acid uric</i>	Đo màu Enzym <i>Enzymetic colour</i>	MBD.QTXN.HSMD.202 (2025) (Cobas C502)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 043

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Discipline of medical testing: *Hematology*

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA-K2/K3) <i>Whole blood (EDTA-K2/K3)</i>	Xác định lượng Huyết sắc tố <i>Determination of Hemoglobin (Hb)</i>	Đo quang <i>Colorrimetrie measurement</i>	MBD.QTXN.HH.87 (2025) (Sysmex XN-1000)
2.		Xác định thể tích khối Hồng cầu <i>Determination of Hematocrit (HCT)</i>	Điện trở kháng <i>Electric impedance</i>	MBD.QTXN.HH.88 (2025) (Sysmex XN-1000)
3.		Đếm số lượng Tiểu cầu <i>Platelet count (PLT)</i>		MBD.QTXN.HH.86 (2025) (Sysmex XN-1000)
4.		Đếm số lượng Hồng cầu <i>Red blood cell count (RBC)</i>		MBD.QTXN.HH.85 (2025) (Sysmex XN-1000)
5.		Đếm số lượng Bạch cầu <i>White blood cell count (WBC)</i>	Đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn. <i>Flow Cytometry Method with using the semiconductor laser</i>	MBD.QTXN.HH.84 (2025) (Sysmex XN-1000)

[Handwritten signature]

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 043

Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh
Discipline of medical testing: Microbiology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1	Huyết thanh, Huyết tương Serum, Plasma (Heparin Lithium)	Phát hiện HbsAg <i>Detected of HbsAg</i>	Nguyên lý Sandwich <i>Sandwich principle</i>	MBD.QTXN.HSMD.204 (2025) (Cobas E801)

Ghi chú/ Note:

- MBD.QTXN.....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa xét nghiệm cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Laboratory Department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

